TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06/11/2020.
(V/v: Ly hôn, nuôi con chung).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT - TỈNH BÌNH THUẬN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**:** Bà Mai Thị Huấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Nguyễn Bính.
2/ Bà Nguyễn Thị Minh Huấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 437/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/9/2020 về việc "*Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 474/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/10/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 480/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/10/2020 giữa:

Nguyên đơn: Ông Phạm Năng T – sinh năm 1973 (Có mặt).
Nơi cư trú: Thôn 9, xã Kiến Q, huyện Kiến T, thành phố H.

Bị đơn: Bà Trần Thị Minh Q – sinh năm 1972 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: khu phố 5, phường Phú T, thành phố P, tỉnh Bình T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại nội dung đơn kiện, bản khai nguyên đơn trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Năng T và bà Trần Thị Minh Q tự tìm hiểu, quen biết nhau, chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phú T, thành phố P, tỉnh Bình T vào ngày 25/7/2003.

Trong quá trình chung sống: thời gian đầu vợ chồng sống bình thường, hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra cải vã, trong công việc liên quan đến kinh tế gia đình thì bà Q tự ý quyết định không bàn bạc với ông T , sau đó bà Q làm ăn thua lỗ gây ra nhiều nợ nần, mặc dù cũng đã cố gắng dàn xếp để trả nợ cho bà Q , nhưng thực tế vẫn không có hạnh phúc và không thể giải quyết được mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Tháng 02/2020, bà Q có làm đơn xin ly hôn, nhưng sau đó bà Q đơn phương xin rút đơn, đến tháng 7/2020 thì

mâu thuẫn không thể giải quyết được. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn bà Trần Thị Minh Q .

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Kim N (nữ) - sinh ngày 10/11/2004 và Phạm Kim Ng (nữ) – sinh ngày 05/12/2008. Hiện nay 02 con chung đang sống với bà Q tại thành phố P và cũng có nguyện vọng được ở với mẹ (theo các biên bản ghi nhận ý kiến của con tại Hồ sơ vụ án "Ly hôn, nuôi con chung" do Tòa án đã thụ lý số 239 ngày 27/5/2020), việc các con chung có nguyện vọng được ở với mẹ là ý chí của các con nên ông T đồng ý giao 02 con chung cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung cho bà Q mỗi tháng 5.000.000 đồng (2.500.000 đồng/01 con/tháng) cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông T trình bày: vẫn giữ ý kiến đã trình bày, ông T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng nhau và đã tự sống xa nhau từ năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay ông T yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Q . Về con chung, tài sản chung, nợ chung: vẫn giữ ý kiến đã trình bày, không thay đổi, bổ sung gì thêm.

*** Tại nội dung bản khai, biên bản hòa giải bị đơn trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông Phạm Năng T tự tìm hiểu, quen biết nhau, chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phú T, thành phố P, tỉnh Bình T vào ngày 25/7/2003.

Trong quá trình chung sống: thời gian đầu vợ chồng sống bình thường, hạnh phúc và sinh được 02 con chung, thời gian sau này vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do cách sống không hợp nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, bà Q cũng không còn tình cảm vợ chồng với ông T . Nay ông T làm đơn xin ly hôn bà Q có ý kiến như sau: nếu ông T cương quyết xin ly hôn thì bà Q yêu cầu ông T phải đưa cho bà Q 200.000.000 đồng, thì sẽ đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Kim N – sinh ngày 10/11/2004 (nữ) và Phạm Kim Ng – sinh ngày 05/12/2008 (nữ). Sau khi ly hôn, do các con có nguyện vọng được trực tiếp ở với mẹ (theo như các biên bản ghi nhận ý kiến của con tại Hồ sơ vụ án "Ly hôn, nuôi con chung" đã được Tòa án thụ lý số 239 ngày 27/5/2020), nên bà Q yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (2.500.000 đồng/con/tháng) cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 căn nhà đã bán giá 2,2 tỷ, ông T đã nhận số tiền 1,4 tỷ, bà Q chỉ được nhận số tiền 800 triệu đồng, nay bà Q yêu cầu ông T phải đưa thêm cho bà Q 200 triệu đồng vì đây là tài sản của vợ chồng do bán nhà mà có.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, vắng mặt bà Trần Thị Minh Q .

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*** Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau :

- Về tố tụng: từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Tại phiên tòa hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tiến hành các trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật và chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung: Viện kiểm sát thấy rằng tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã thể hiện hôn nhân của ông Phạm Năng T và bà Trần Thị Minh Q là hợp pháp, ông bà tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phú T, thành phố P, tỉnh Bình T vào ngày 25/7/2003. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do cách sống không hợp nhau nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, ông bà cũng đã sống xa nhau từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai như vậy chứng tỏ tình cảm vợ chồng của ông bà không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó: căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật HNGĐ 2014 đề nghị HĐXX xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Phạm Kim N – sinh ngày 10/11/2004 (nữ) và Phạm Kim Ng – sinh ngày 05/12/2008 (nữ). Theo hồ sơ thể hiện: ông bà thỏa thuận sau khi ly hôn giao 02 con chung cho bà Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự thỏa thuận này cũng phù hợp với các quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật HNGĐ 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tiền cấp dưỡng: Ông T đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung cho bà Q mỗi tháng 5.000.000 đồng (2.500.000 đồng/con/tháng) cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi và có đủ khả năng lao động. Bà Q đồng ý mức cấp dưỡng trên nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung: Do ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà Q không có đơn yêu cầu phản tố về phần tài sản chung nên VKS không có ý kiến.

Về nợ chung: Ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Thiết, hội đồng xét xử nhận định :

*** Về tố tụng:** Ông Phạm Năng T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn là bà Trần Thị Minh Q hiện cư trú tại phường Phú T, thành phố P. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản

1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Tòa án đã triệu T hợp lệ, nhưng bà Trần Thị Minh Q vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

* **Về quan hệ hôn nhân:** Hôn nhân của ông Phạm Năng T và bà Trần Thị Minh Q là hợp pháp, ông bà tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phú T, thành phố P, tỉnh Bình T vào ngày 25/7/2003.

Quá trình giải quyết vụ án, ông bà đều thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân có xảy ra mâu thuẫn do cách sống không hợp nhau, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng nhau nên cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, ông bà xác định hiện nay không còn tình cảm với nhau và cũng tự sống xa nhau từ năm 2018 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Mặc khác, theo hồ sơ lưu tại Tòa án thì ngày 21/02/2020 bà Q có làm đơn khởi kiện xin ly hôn ông Phạm Năng T nhưng sau đó lại rút đơn khởi kiện nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Như vậy chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật HNGĐ 2014 HĐXX xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: ông Phạm Năng T được ly hôn với bà Trần Thị Minh Q .

- Về con chung: Ông T , bà Q khai có 02 con chung tên Phạm Kim Ngân (nữ) – sinh ngày 10/11/2004 và Phạm Kim Ngọc (nữ) – sinh ngày 05/12/2008 (Hiện nay 02 con chung đang do bà Q trực tiếp nuôi dưỡng). Sau khi ly hôn, ông bà thỏa thuận: tiếp tục giao 02 con chung cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, xét thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự, thỏa thuận này cũng phù hợp với các quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung nên HĐXX chấp nhận.

Ông Phạm Năng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về mức cấp dưỡng và phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Tại biên bản làm việc ngày 09/9/2020 ông T , bà Q thỏa thuận sau khi ly hôn ông T cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung cho bà Q mỗi tháng 5.000.000 đồng (2.500.000 đồng/01con/tháng) cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự, thỏa thuận này cũng phù hợp với các quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

- Về tài sản chung: Tại biên bản làm việc ngày 09/9/2020 ông T khai không còn tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và có cung cấp 01 biên bản phân chia tài sản sau khi ly hôn thể hiện 02 bên đã thỏa thuận giải quyết xong về tài sản (photo), bà Q khai vợ chồng có 01 căn nhà đã bán giá 2,2 tỷ đồng, nhưng bà Q chỉ mới nhận được 800.000.000 đồng, ông T nhận 1.400.000.000 đồng nên bà Q yêu cầu ông T hoàn lại cho bà Q 200.000.000 đồng. Xét thấy, sau khi nhận Thông báo thụ lý và tại biên bản làm việc ngày 09/9/2020 bà Q có ý kiến yêu cầu ông T hoàn lại cho bà Q 200.000.000 đồng sẽ đồng ý ký ly hôn, nhưng cho đến nay bà Q chỉ trình bày ý kiến mà không có đơn yêu cầu giải quyết về tài sản và cũng không

cung cấp các tài liệu chứng cứ nào liên quan đến vấn đề tài sản, do vậy HĐXX không thể xem xét. Sau khi ly hôn nếu bà Q có yêu cầu tranh chấp tài sản thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Trong vụ án này, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, bà Q không có đơn phản tố về phần tài sản chung nên HĐXX không xét.

- Về phần nợ chung: Ông T , bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

- Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng: Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Ông Phạm Năng T được ly hôn bà Trần Thị Minh Q .

- Về con chung**:** Tiếp tục giao 02 con chung tên Phạm Kim N (nữ) – sinh ngày 10/11/2004 và Phạm Kim Ng (nữ) – sinh ngày 05/12/2008 cho bà Trần Thị Minh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về mức cấp dưỡng và phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: ông T phải cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung cho bà Q mỗi tháng 5.000.000 đồng (2.500.000 đồng/01con/tháng) cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi và có đủ khả năng lao động.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 01 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Ông Phạm Năng T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con. Ngày 09/9/2020, ông T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu theo biên lai số 0007869, nay chuyển sang án phí và sung công quỹ nhà nước. Ông T còn phải nộp thêm 300.000 đồng tiền án phí.

- Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, đối với ông Phạm Năng T kể từ ngày

tuyên án (06/11/2020), đối với bà Trần Thị Minh Q kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u> :
- *Các đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Phan Thiết;*
- *Toà án tỉnh Bình Thuận;*
- *Thi hành án dân sự Phan Thiết;*
- *Lưu.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Mai Thị Huấn